

**CÔNG TY TNHH HANALAN TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HANALAN TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANALAN GLOBAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HANALAN GLOBAL CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108186423

**3. Ngày thành lập:** 15/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 611, tầng 6, tòa nhà Skycity Tower A, 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận  
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977380080

Fax:

Email: hanalanvn@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như:<br>+ Giấy vệ sinh.<br>+ Khăn ăn, giấy ăn, khăn lau,<br>+ Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh,<br>+ Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy.<br>- Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: giấy vệ sinh, băng vệ sinh ;<br>- Sản xuất giấy viết, giấy in;<br>- Sản xuất giấy in cho máy vi tính;<br>- Sản xuất giấy tự copy khác;<br>- Sản xuất giấy nền và giấy than;<br>- Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; | 1709     |
| 2.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2013     |
| 3.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2023     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su<br>Chi tiết : - Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2212     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su                                                                                                                                                                                                       | 4669        |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4711        |
| 9.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao<br>su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ<br>hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa,                                                                                                                                                                                                       | 1329        |
| 10. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632        |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4719        |
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4721        |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4722        |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4723        |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ<br>nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ)<br>trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các<br>cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh     | 4773        |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu<br>động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ thực phẩm lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                 | 4781        |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4751 |
| 19. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..;                                                                                                             | 4799 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0161 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0162 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0163 |
| 23. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1010 |
| 24. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1030 |
| 25. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1313 |
| 26. | Sản xuất thảm, chăn đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1323 |
| 27. | Sản xuất sợi nhân tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2030 |
| 28. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                           | 2220 |
| 29. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc<br>Bán buôn hoa và cây<br>Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản<br>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)                                 | 4620 |
| 30. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4782 |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                        | 4789 |
| 32. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                             | 4791 |
| 33. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác<br>Chi tiết: - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như:<br>+ Vải nhung và vải bông,<br>+ Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự,<br>+ Các loại vải bằng đan móc khác<br>- Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan . | 1321 |
| 34. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1322 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4631 |
| 36. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633 |
| 37. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                         | 4753 |
| 38. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 |
| 39. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4772 |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                           | 8230 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                  | 8299 |
| 42. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                      | 1410 |
| 43. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                    | 1420 |
| 44. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                | 1430 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐINH THỊ LAN VÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 18/12/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 142544080

Ngày cấp: 22/05/2013

Nơi cấp: Công an Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Khuê Liễu, Xã Tân Hưng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: E301, Chung Cư Mulberry Lane, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐINH THỊ LAN VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/12/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142544080

Ngày cấp: 22/05/2013

Nơi cấp: Công an Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Khuê Liễu, Xã Tân Hưng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *E301, Chung Cư Mulberry Lane, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội